

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Xuân Mô	Chủ tịch
Ông Bùi Công Toanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Ủy viên
Ông Ngô Giang Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Phước	Ủy viên
Bà Phan Thị Hồng Dương	Trợ lý

Ban Giám đốc

Ông Bùi Công Toanh	Giám đốc
Ông Vương Minh Sơn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2012)
Ông Nguyễn Đình Phước	Phó Giám đốc
Ông Vương Duy Tú	Phó Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Duẩn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Công Toanh
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Số: *666* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 27. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất đến các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 27 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty hiện đang thực hiện dự án "Thị công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát" tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng. Dự án này được thực hiện theo hợp đồng với giá trị là 153.974.274.000 VND ký với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, khối lượng thi công thực tế có giá trị là 311.615.479.703 VND (đã bao gồm thuế GTGT) do Công ty đã thực hiện một số công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết theo yêu cầu của PVC. Số tiền đã được thanh toán và tạm ứng để thực hiện hợp đồng và phần việc phát sinh ngoài hợp đồng là 278.274.015.639 VND. Nguyên nhân là Công ty đã thực hiện một số công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết theo yêu cầu của PVC. Bộ Xây dựng đã có Công văn số 2060/BXD-KTXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 chấp thuận chủ trương giải quyết các chi phí phát sinh ngoài hợp đồng. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, phần công việc phát sinh thêm này chưa xác định được giá trị cuối cùng. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến các vấn đề sau (Tiếp theo):

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 100.492.585.121 VND, số lỗ lũy kế của công ty là 107.228.479.099 VND, Công ty gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Việc tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2013, khả năng tìm kiếm các hợp đồng mới và tăng cường thu hồi nợ phải thu. Báo cáo tài chính chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của vấn đề không chắc chắn nêu trên.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Quang Trung

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU SỐ B 01-DN/HN**
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
				Trình bày lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		511.047.719.922	534.649.572.870
I. Tiền				
1. Tiền	110	6	6.865.073.712	9.712.289.087
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
1. Đầu tư ngắn hạn	111		6.865.073.712	9.712.289.087
	120		-	349.500.000
	121		-	349.500.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn				
1. Phải thu khách hàng	130		284.533.275.466	338.803.638.630
2. Trả trước cho người bán	131		124.406.434.138	142.177.337.792
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	132		19.067.788.666	31.945.201.497
4. Các khoản phải thu khác	134	7	136.842.352.027	158.058.117.845
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	135		6.653.166.638	7.272.314.047
	139		(2.436.466.003)	(649.332.551)
IV. Hàng tồn kho				
1. Hàng tồn kho	140	8	182.716.680.733	149.385.622.779
	141		182.716.680.733	149.385.622.779
V. Tài sản ngắn hạn khác				
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	150		36.932.690.011	36.398.522.374
2. Thuế GTGT được khấu trừ	151		1.690.039.636	1.424.280.699
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		14.953.339.812	11.943.345.248
4. Tài sản ngắn hạn khác	154		-	4.746.260.492
	158		20.289.310.563	18.284.635.935
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		206.284.708.227	234.642.750.029
I. Tài sản cố định				
1. Tài sản cố định hữu hình	220		160.379.720.457	181.447.949.913
- Nguyên giá	221	9	155.451.962.496	178.566.403.765
- Giá trị hao mòn lũy kế	222		215.326.732.751	217.230.098.367
2. Tài sản cố định vô hình	223		(59.874.770.255)	(38.663.694.602)
- Nguyên giá	227		2.277.666.041	81.257.344
- Giá trị hao mòn lũy kế	228		2.374.524.546	107.013.021
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	229		(96.858.505)	(25.755.677)
	230		2.650.091.920	2.800.288.804
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
1. Đầu tư vào công ty liên kết	250		35.526.326.649	35.723.160.337
2. Đầu tư dài hạn khác	252	11	24.226.326.649	24.423.160.337
	258	12	11.300.000.000	11.300.000.000
III. Tài sản dài hạn khác				
1. Chi phí trả trước dài hạn	260		10.378.661.121	17.471.639.779
	261		10.378.661.121	17.471.639.779
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		717.332.428.149	769.292.322.899



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
				Trình bày lại
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		671.169.323.287	612.007.416.140
I. Nợ ngắn hạn	310		611.540.305.043	538.808.842.068
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	157.906.830.586	141.957.506.809
2. Phải trả người bán	312		172.675.803.200	192.361.461.148
3. Người mua trả tiền trước	313	14	204.269.810.821	154.805.935.124
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	19.842.079.354	1.462.678.132
5. Phải trả người lao động	315		783.831.697	6.344.654.743
6. Chi phí phải trả	316		40.202.981.781	31.325.716.344
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		15.999.449.349	11.394.249.399
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(140.481.745)	(843.359.631)
II. Nợ dài hạn	330		59.629.018.244	73.198.574.072
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	59.629.018.244	73.238.537.431
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	(39.963.359)
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		46.163.104.862	157.284.906.759
I. Vốn chủ sở hữu	410		46.163.104.862	157.284.906.759
1. Vốn điều lệ	411	17	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	1.037.168.132	430.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	2.354.415.829	1.100.000.000
4. (Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	(107.228.479.099)	5.754.906.759
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		717.332.428.149	769.292.322.899

Bùi Công Toanh
Giám đốcLê Trí Tài
Kế toán trưởngĐỗ Thị Thu Hà
Người lập

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	
			2012	Trình bày lại
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	200.146.358.637	927.771.317.752
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	224.916.708.841	827.815.064.501
3. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(24.770.350.204)	99.956.253.251
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		68.526.218	2.124.311.752
5. Chi phí tài chính	22		46.726.780.310	41.462.109.006
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.172.236.348	41.270.644.006
6. Chi phí bán hàng	24		787.295.122	793.764.336
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		37.429.332.288	36.854.875.325
8. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-(24+25))	30		(109.645.231.706)	22.969.816.336
9. Thu nhập khác	31		968.259.580	5.371.747.077
10. Chi phí khác	32		3.477.649.561	3.141.212.822
11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.509.389.981)	2.230.534.255
12. Lợi nhuận trong công ty liên kết	45		2.499.952.747	5.035.660.337
13. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(109.654.668.940)	30.236.010.928
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	6.481.104.169
15. Lỗ/(Lợi nhuận) sau thuế TNDN (60=50-51)	60		(109.654.668.940)	23.754.906.759
16. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(7.310)	1.584

Bùi Công Toanh
Giám đốcLê Trí Tài
Kế toán trưởngĐỗ Thị Thu Hà
Người lập

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	
		2012	Trình bày lại
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. (Lỗ)/ Lợi nhuận trước thuế	01	(109.654.668.940)	30.236.010.928
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	21.328.454.225	11.065.628.219
- Các khoản dự phòng	03	1.267.277.403	700.199.617
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(25.185.934)	(1.961.069.980)
- Chi phí lãi vay	06	45.172.236.348	41.270.644.006
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(41.911.886.898)	81.311.412.790
- Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	51.557.477.515	(219.137.182.428)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(33.331.057.954)	(40.517.712.901)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	53.523.330.846	168.575.414.700
- Thay đổi chi phí trả trước	12	7.024.053.409	1.478.543.357
- Tiền lãi vay đã trả	13	(26.926.127.058)	(46.808.742.980)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.813.174.062)	(18.107.411.638)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.830.528.039	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.302.103.965)	(1.214.737.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.651.039.872	(74.420.417.017)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(12.861.521.243)	(107.976.129.351)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	199.754.738.328
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(349.500.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	349.500.000	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	25.185.934	1.928.757.023
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.486.835.309)	93.357.866.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	116.459.264.808	418.541.552.003
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(112.470.684.746)	(437.199.469.449)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	-	(20.070.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.988.580.062	(38.727.917.446)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.847.215.375)	(19.790.468.463)
Tiền đầu năm	60	9.712.289.087	29.502.757.550
Tiền cuối năm	70	6.865.073.712	9.712.289.087

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm bao gồm số tiền thanh toán phát sinh các năm trước là 12.647.572.218 VND.

Tiền chi trả nợ gốc vay trong năm không bao gồm số tiền 1.648.775.472 VND được thanh toán thông qua hình thức bù trừ công nợ.

Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu, phải trả.



Bùi Công Toanh
Giám đốc

Lê Trí Tài
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hà
Người lập

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-XLTK ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4300368987 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2009, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 5 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 433 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 549 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng, công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; xây dựng các công trình thủy lợi; san lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; xây dựng các công trình đê kè, cầu cảng;
- Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại;
- Bảo dưỡng, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; chế tạo lắp đặt bồn chứa xăng, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt hệ thống đường dây tải điện đến 35 KV và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp; đầu tư kinh doanh bất động sản;

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định công ty hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công nợ ngắn hạn của công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 100.492.585.121 VND, số lỗ lũy kế của Công ty là 107.228.479.099 VND, Công ty gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã có kế hoạch tìm kiếm thêm các hợp đồng xây lắp mới, cơ cấu lại các khoản vay ngân hàng, tăng cường việc thu hồi nợ phải thu...Ban Giám đốc tin tưởng Công ty sẽ tạo đủ nguồn tiền để tự tài trợ cho hoạt động của mình. Vì vậy, báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp và chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào do ảnh hưởng của vấn đề không chắc chắn nêu trên

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, và tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 7
Tài sản khác	4

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được vốn hoá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty mẹ có khoản lỗ tính thuế khoảng 112 tỷ VND có thể mang sang để bù trừ liên tục với lợi nhuận chịu thuế trong vòng 5 năm tới. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định hồi tố số liệu báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước nêu tại báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 10 năm 2012. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố đến Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Chi tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2011		Chênh lệch
		trước điều chỉnh hồi tố	sau điều chỉnh hồi tố	
Phải thu khách hàng (i)	131	140.180.231.792	142.177.337.792	1.997.106.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(1.169.188.600)	(649.332.551)	519.856.049
Hàng tồn kho	141	149.122.611.200	149.385.622.779	263.011.579
Tài sản cố định hữu hình (ii)	221	175.887.637.616	178.566.403.765	2.678.766.149
- Nguyên giá	222	214.197.532.915	217.230.098.367	3.032.565.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(38.309.895.299)	(38.663.694.602)	(353.799.303)
Chi phí trả trước dài hạn (ii)	261	20.111.590.020	17.471.639.779	(2.639.950.241)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	573.625.130	1.462.678.132	889.053.002
Phải trả người lao động	315	6.376.717.039	6.344.654.743	(32.062.296)
Chi phí phải trả	316	30.588.733.451	31.325.716.344	736.982.893
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.530.090.822	5.754.906.759	1.224.815.937

Chi tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	Mã số	Số liệu năm 2011 trước điều chỉnh hồi tố	Số liệu năm 2011 sau điều chỉnh hồi tố	Chênh lệch
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (i)	10	926.222.930.479	927.771.317.752	1.548.387.273
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp (i)	11	825.270.652.274	827.815.064.501	2.544.412.227
Chi phí tài chính	22	43.532.549.919	41.462.109.006	(2.070.440.913)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	37.413.547.282	36.854.875.325	(558.671.957)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.072.832.190	6.481.104.169	408.271.979

(i) Bao gồm phần điều chỉnh bổ sung doanh thu và giá vốn năm 2011 với số tiền lần lượt là 1.469.387.273 VND và 736.982.893 VND

(ii) Bao gồm phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn sang tài sản cố định hữu hình với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 3.032.565.452 VND.

6. TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	757.924.229	381.824.057
Tiền gửi ngân hàng	6.107.149.483	9.330.465.030
	6.865.073.712	9.712.289.087

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công trình Nhà máy điện Vũng Áng Hà Tĩnh	99.703.429.487	110.804.999.557
Công trình Nhà máy đóng tàu Vinashin	22.727.272.727	22.727.272.727
Các công trình khác	14.411.649.813	24.525.845.561
	136.842.352.027	158.058.117.845

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.772.536.283	9.659.925.248
Công cụ, dụng cụ	1.005.051.804	837.224.733
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	165.511.591.967	125.934.734.914
Thành phẩm	4.899.744.136	4.766.073.093
Hàng hóa	527.756.543	8.187.664.791
	182.716.680.733	149.385.622.779
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	182.716.680.733	149.385.622.779

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2012 (Trình bày lại)	140.770.521.189	47.756.052.028	20.743.146.092	1.445.818.471	6.514.560.587	217.230.098.367
Mua sắm mới	-	300.965.000	-	63.180.909	-	364.145.909
Phân loại lại	(76.615.014.914)	74.908.666.484	(1.721.760.000)	-	1.160.596.905	(2.267.511.525)
Tại ngày 31/12/2012	64.155.506.275	122.965.683.512	19.021.386.092	1.508.999.380	7.675.157.492	215.326.732.751
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2012 (Trình bày lại)	4.685.837.574	19.975.359.651	10.312.812.069	833.755.795	2.855.929.513	38.663.694.602
Khấu hao trong năm	3.304.166.268	13.337.016.291	2.977.530.730	357.366.588	1.281.271.520	21.257.351.397
Phân loại lại	(46.275.744)	-	-	-	-	(46.275.744)
Tại ngày 31/12/2012	7.943.728.098	33.558.341.655	13.044.377.086	1.191.122.383	4.137.201.033	59.874.770.255
Giá trị còn lại						
Tại ngày 31/12/2012	56.211.778.177	89.407.341.857	5.977.009.006	317.876.997	3.537.956.459	155.451.962.496
Tại ngày 31/12/2011	136.084.683.615	27.780.692.377	10.430.334.023	612.062.676	3.658.631.074	178.566.403.765

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.170.301.958 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 9.738.943.994 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Khoản đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Dung Quất với giá trị đầu tư là 50 tỷ VND. Thông tin về công ty con như sau :

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Dung Quất	Bình Sơn, Quảng Ngãi	100%	100%	Sản xuất bao bì

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Khoản đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm với giá gốc khoản đầu tư là 22,8 tỷ VND. Thông tin về công ty liên kết như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm	Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	45,5	45,5	Đầu tư, khai thác và kinh doanh khu công nghiệp; kinh doanh bất động sản.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	195.883.321.064	162.776.494.061
Tổng công nợ	142.638.647.111	109.099.218.594
Tài sản thuần	53.244.673.953	53.677.275.467
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	24.226.326.649	24.423.160.337
	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	15.875.370.067	15.057.246.696
Lợi nhuận thuần	7.994.401.640	9.042.584.667
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	2.499.952.747	5.035.660.337

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Công ty đã góp vốn bằng tiền là 11,3 tỷ VND ngày 19 tháng 8 năm 2010, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 3,77% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Ban Giám đốc tin tưởng không cần trích lập khoản dự phòng đầu tư này do đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	131.552.623.200	130.236.468.277
<i>Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam</i>	<i>73.726.475.229</i>	<i>70.073.588.447</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>28.828.319.922</i>	<i>29.332.245.185</i>
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>	<i>13.244.216.949</i>	<i>30.830.634.645</i>
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh</i>	<i>15.753.611.100</i>	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	26.354.207.386	11.721.038.532
	<u>157.906.830.586</u>	<u>141.957.506.809</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ tổ chức tín dụng và các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam, được dùng để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay chịu lãi suất từ 15%/năm đến 23%/năm.

Khoản vay Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam được bảo lãnh bởi Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng bảo lãnh số 21/2011/HĐBL.NH-PVCMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 và các phụ lục. Các khoản vay còn lại được bảo đảm bằng các khoản phải thu của Công ty.

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Bao gồm chủ yếu khoản nhận ứng trước từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam liên quan tới dự án “Thị công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát” tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 173.809.450.539 VND (tại 31 tháng 12 năm 2011 là 137.704.992.433 VND).

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	Trình bày lại VND
Thuế giá trị gia tăng	1.599.250.657	573.727.896
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	408.271.979
Thuế thu nhập cá nhân	560.619.851	425.568.257
Thuế bảo vệ môi trường	17.671.291.956	-
Thuế tài nguyên	10.916.890	55.110.000
	<u>19.842.079.354</u>	<u>1.462.678.132</u>

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	82.739.745.855	81.716.096.188
<i>Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam</i>	<i>4.500.269.447</i>	<i>4.930.529.080</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương</i>	<i>78.239.476.408</i>	<i>76.785.567.108</i>
Nợ dài hạn khác	3.243.479.775	3.243.479.775
	<u>85.983.225.630</u>	<u>84.959.575.963</u>

Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì tại Dung Quất, Quảng Ngãi và mua sắm máy móc thiết bị. Các khoản vay chịu lãi suất từ 12%/năm đến 18,5%/năm. Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Dương được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	26.354.207.386	11.721.038.532
Trong năm thứ hai	16.389.541.834	12.552.765.067
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	43.239.476.410	46.737.000.915
Sau năm năm	-	13.948.771.449
	85.983.225.630	84.959.575.963
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	26.354.207.386	11.721.038.532
Số phải trả sau 12 tháng	59.629.018.244	73.238.537.431

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn cổ phần

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối /(Lỗ lũy kế) Trình bày lại
				VND
Tại ngày 01/01/2011	150.000.000.000	-	-	13.683.659.809
Tăng trong năm	-	430.000.000	1.100.000.000	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.754.906.759
Công bố chia cổ tức	-	-	-	(29.250.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(2.433.659.809)
Tại ngày 01/01/2012	150.000.000.000	430.000.000	1.100.000.000	5.754.906.759
Lỗ trong năm	-	-	-	(109.654.668.940)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	607.168.132	1.254.415.829	(2.906.930.485)
Giảm khác trong năm	-	-	-	(421.786.433)
Tại ngày 31/12/2012	150.000.000.000	1.037.168.132	2.354.415.829	(107.228.479.099)

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 ngày 05 tháng 5 năm 2012, Công ty mẹ đã trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành với số tiền lần lượt là 607.168.132 VND, 1.254.415.829 VND, 940.811.870 VND và 104.534.652 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (1000 CP)	Tỷ lệ (%)	Giá trị cổ phần (VND)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.650	51,00%	76.500.000.000
2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	750	5,00%	7.500.000.000
3	Các cổ đông khác	6.600	44,00%	66.000.000.000
	Cộng	15.000	100%	150.000.000.000

Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 15.000.000 cổ phiếu. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty tổ chức bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh trên cơ sở các công ty hoạt động tương đối riêng biệt theo ngành nghề kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 02 bộ phận kinh doanh sau:

- Xây dựng và cung cấp vật tư xây dựng: Công ty mẹ
- Sản xuất bao bì: Công ty TNHH Một thành viên Bao bì Dung Quất

Thông tin về hoạt động kinh doanh của từng bộ phận như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Chỉ tiêu	Hoạt động xây dựng	Sản xuất bao bì	Loại trừ	Cộng
	31/12/2012	31/12/2012	31/12/2012	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tiền	3.174.926.084	3.690.147.628	-	6.865.073.712
Các khoản phải thu ngắn hạn	339.653.875.251	27.196.308.717	(82.316.908.502)	284.533.275.466
Hàng tồn kho	173.511.342.285	9.205.338.448	-	182.716.680.733
Tài sản ngắn hạn khác	35.660.197.424	1.272.492.587	-	36.932.690.011
Tài sản cố định	46.460.425.412	113.919.295.045	-	160.379.720.457
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	85.526.326.649	-	(50.000.000.000)	35.526.326.649
Tài sản dài hạn khác	10.114.696.286	263.964.835	-	10.378.661.121
Tổng Tài sản hợp nhất	694.101.789.391	155.547.547.260	(132.316.908.502)	717.332.428.149
Nguồn vốn				
Nợ ngắn hạn	579.941.188.438	113.916.025.107	(82.316.908.502)	611.540.305.043
Nợ dài hạn	59.629.018.244	-	-	59.629.018.244
Vốn chủ sở hữu	54.531.582.709	41.631.522.153	(50.000.000.000)	46.163.104.862
Tổng Nguồn vốn hợp nhất	694.101.789.391	155.547.547.260	(132.316.908.502)	717.332.428.149

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Chỉ tiêu	Hoạt động xây dựng	Sản xuất bao bì	Loại trừ	Cộng
	2012	2012	2012	2012
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	96.982.108.591	106.663.276.643	(3.499.026.597)	200.146.358.637
Chi phí kinh doanh	167.494.364.525	99.137.998.323	(3.499.026.597)	263.133.336.251
- Giá vốn hàng bán	132.900.803.273	95.514.932.165	(3.499.026.597)	224.916.708.841
- Chi phí bán hàng	98.357.342	688.937.780	-	787.295.122
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.495.203.910	2.934.128.378	-	37.429.332.288
Kết quả kinh doanh bộ phận	(70.512.255.934)	7.525.278.320	-	(62.986.977.614)
Doanh thu hoạt động tài chính	46.260.318	22.265.900	-	68.526.218
Chi phí hoạt động tài chính	30.724.774.937	16.002.005.373	-	46.726.780.310
Lỗ khác	(2.595.373.287)	85.983.306	-	(2.509.389.981)
Lợi nhuận trong công ty liên kết				2.499.952.747
Lợi nhuận trước thuế				(109.654.668.940)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(109.654.668.940)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo theo khu vực địa lý do hoạt động xây dựng được thực hiện từ một số lượng lớn các khu vực địa lý khác nhau.

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012	2011
	VND	Trình bày lại VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	74.433.524.263	622.382.123.045
Doanh thu hoạt động đầu tư bất động sản	-	199.754.738.328
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	125.712.834.374	105.634.456.379
	200.146.358.637	927.771.317.752

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012	2011
	VND	Trình bày lại VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	107.943.596.473	544.638.828.761
Giá vốn hoạt động đầu tư bất động sản	-	186.394.593.148
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	116.973.112.368	96.781.642.592
	224.916.708.841	827.815.064.501

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	VND	Trình bày lại VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.945.039.441	191.421.039.572
Chi phí nhân công	38.936.089.943	38.334.987.878
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.328.454.225	11.065.628.219
Chi phí trả trước dài hạn	11.166.267.006	6.834.097.461
Chi phí thuê ngoài và bằng tiền khác	102.579.089.908	278.188.710.025
	291.954.940.523	525.844.463.155

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	VND	Trình bày lại VND
Lợi nhuận trước thuế	(109.654.668.940)	30.236.010.928
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.499.952.747)	(5.035.660.337)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	103.207.395	724.066.087
Thu nhập chịu thuế	(112.051.414.292)	25.924.416.678
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.481.104.169

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

	2012	2011
	VND	Trình bày lại
		VND
(Lỗ)/ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(109.654.668.940)	23.754.906.759
(Lỗ)/ Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(109.654.668.940)	23.754.906.759
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.000.000	15.000.000
(Lỗ)/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(7.310)	1.584

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 16, trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	217.535.848.830	215.196.044.240
Trừ: Tiền	6.865.073.712	9.712.289.087
Nợ thuần	210.670.775.118	205.483.755.153
Vốn chủ sở hữu	46.163.104.862	157.284.906.759
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	456%	131%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	6.865.073.712	9.712.289.087
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.623.134.773	148.800.319.288
Đầu tư ngắn hạn	-	349.500.000
Đầu tư dài hạn	11.300.000.000	11.300.000.000
Tổng cộng	146.788.208.485	170.162.108.375
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	217.535.848.830	215.196.044.240
Phải trả người bán và phải trả khác	188.675.252.549	203.755.710.547
Chi phí phải trả	40.202.981.781	31.325.716.344
Tổng cộng	446.414.083.160	450.277.471.131

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lỗ trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tăng/giảm khoảng 4.504 triệu đồng.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Như trình bày tại thuyết minh số 4 Thuyết minh Báo cáo tài chính về các khoản dự phòng phải thu khó đòi, Công ty có khoản rủi ro tín dụng đến từ một số khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền	6.865.073.712	-	6.865.073.712
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.623.134.773	-	128.623.134.773
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	11.300.000.000
Tổng cộng	135.488.208.485	11.300.000.000	146.788.208.485
31/12/2012			
Các khoản vay và nợ	157.906.830.586	59.629.018.244	217.535.848.830
Phải trả người bán và phải trả khác	188.675.252.549	-	188.675.252.549
Chi phí phải trả	40.202.981.781	-	40.202.981.781
Tổng cộng	386.785.064.916	59.629.018.244	446.414.083.160
Chênh lệch thanh khoản thuần	(251.296.856.431)	(48.329.018.244)	(299.625.874.675)
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2011			
Tiền	9.712.289.087	-	9.712.289.087
Phải thu khách hàng và phải thu khác	148.800.319.288	-	148.800.319.288
Đầu tư ngắn hạn	349.500.000	-	349.500.000
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	11.300.000.000
Tổng cộng	158.862.108.375	11.300.000.000	170.162.108.375
31/12/2011			
Các khoản vay và nợ	141.957.506.809	73.238.537.431	215.196.044.240
Phải trả người bán và phải trả khác	203.755.710.547	-	203.755.710.547
Chi phí phải trả	31.325.716.344	-	31.325.716.344
Tổng cộng	377.038.933.700	73.238.537.431	450.277.471.131
Chênh lệch thanh khoản thuần	(218.176.825.325)	(61.938.537.431)	(280.115.362.756)

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản và gặp một số khó khăn trong việc quản lý dòng tiền trong năm 2012. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2012, khi công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng đang trong quá trình triển khai thi công thì bất ngờ gặp sự cố. Chủ đầu tư dự án là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc. Nhà thầu chính là Tổng Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC), đơn vị thi công phần cọc là Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và lắp máy Dầu khí (PVC - ME) và đơn vị thi công phần thân và mặt cầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí miền Trung (PVC - MT). Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình này đang phản ánh trên khoản mục hàng tồn kho thuộc Bảng cân đối kế toán hợp nhất với số tiền là 17.019.557.266 VND.

Theo Công văn số 0045/KMB-DADT ngày 16 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc (chủ đầu tư), nguyên nhân sự cố được xác định là do khách quan. Đến thời điểm lập báo cáo này, phân trách nhiệm của các bên liên quan đến sự cố này chưa được xác định cụ thể.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	10.878.966.255	13.983.432.284
Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	-	23.011.389.901
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi (PTSC)	2.292.360.460	40.247.947.565
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO)	-	18.014.601.677
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam -CN Đà Nẵng	-	158.721.820
Ban điều hành dự án Nhà máy điện Vũng Áng - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	135.404.868.292
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	36.738.002.812
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	389.454.545
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	-	156.090.910
Ban QLDA Nhà máy lọc dầu Dung Quất	13.106.390.885	45.574.978.100
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	1.378.713.637	36.471.545.454
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	1.043.466.495	143.367.189.869
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	-	212.724.545
	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	457.421.220	6.025.001.513
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi	59.162.450	1.767.581.830
Lãi vay		
Lãi tiền vay phải trả Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí - CN Đà Nẵng	14.958.933.847	14.829.381.816
Trả cổ tức		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	14.917.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí, Lô A2.1, đường 30/4, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm		
Lương	884.123.541	1.507.984.459
Số dư với các bên liên quan:		
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	9.952.982.469
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	1.706.478.727	-
Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	-	121.699.480
Phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.547.977.133	4.090.555.913
CN Thi công cơ giới Dầu khí - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.153.347.000	2.953.347.000
Các khoản nhận ứng trước		
Ban QLDA Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	4.400.350.959
Nợ dài hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	3.243.479.775
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - CN Đà Nẵng		
- Vay ngắn hạn:	73.726.475.229	70.073.588.447
- Vay trung hạn:	4.500.269.449	4.930.529.080

27. VẤN ĐỀ KHÁC

Công ty hiện đang thực hiện dự án “Thi công khu xử lý nước cấp, hệ thống dẫn nước làm mát” tại công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng. Dự án này được thực hiện theo hợp đồng với giá trị là 153.974.274.000 VND ký với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, khối lượng thi công thực tế có giá trị là 311.615.479.703 VND (đã bao gồm thuế GTGT) do Công ty đã thực hiện một số công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết theo yêu cầu của PVC. Số tiền đã được thanh toán và tạm ứng để thực hiện hợp đồng và phần việc phát sinh ngoài hợp đồng là 278.274.015.639 VND. Đối với các công việc ngoài hợp đồng, Bộ Xây dựng đã có Công văn số 2060/BXD-KTXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 chấp thuận chủ trương giải quyết các chi phí phát sinh ngoài hợp đồng. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, phần công việc phát sinh thêm này chưa xác định được giá trị cuối cùng.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Một số số liệu của năm trước được điều chỉnh hồi tố như minh bày tại Thuyết minh số 5.

Bùi Công Toanh
Giám đốcLê Trí Tài
Kế toán trưởngĐỗ Thị Thu Hà
Người lập

Ngày 19 tháng 3 năm 2013